PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 1

Số có hai chữ số. So sánh số đến 100 · sách Kết nối tri thức

Tuần 20

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống

33 gồm ☐ chục và ☐ đơn vị

64 gồm ☐ chục và ☐ đơn vị

Số gồm 4 chục và 4 đơn vị: ☐

Số gồm 7 chục và 7 đơn vị: ☐

30 gồm ☐ chục và ☐ đơn vị

77 gồm ☐ chục và ☐ đơn vị

Bài 2: Điền dấu >, <, = vào ô trống

85 ☐ 93	16 ☐ 41	75 ☐ 57	59 ☐ 53	72 ☐ 53
10 ☐ 72	88 ☐ 88	30 ☐ 89	30 ☐ 33	43 ☐ 43

Bài 3: Viết số còn thiếu (bảng các số từ 1 đến 100)

41	42	43	44	☐	☐	☐	☐	49	50
51	☐	☐	54	☐	56	☐	58	59	60
4	☐	24	34	☐	54	☐	☐	84	94

Bài 4: Khoanh vào chữ đặt trước số đúng

1. Số gồm 3 chục và 9 đơn vị là:

(A) 39 (B) 49 (C) 93

2. Số gồm 5 chục và 3 đơn vị là:

(A) 53 (B) 63 (C) 35

3. Số gồm 1 chục và 4 đơn vị là:

(A) 14 (B) 41 (C) 24

Bài 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S

☐ a) 58 > 58

☐ b) 25 < 59

Ôn Thi · học như chơi · Phiếu bài tập in miễn phí · Có đáp án

ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 1

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 20

Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống

33 gồm **3** chục và **3** đơn vị 64 gồm **6** chục và **4** đơn vị Số gồm 4 chục và 4 đơn vị: **44**

Số gồm 7 chục và 7 đơn vị: **77** 30 gồm **3** chục và **0** đơn vị 77 gồm **7** chục và **7** đơn vị

Bài 2: Điền dấu >, <, = vào ô trống

85 < 93 16 < 41 75 > 57 59 > 53 72 > 53 10 < 72 88 = 88 30 < 89 30 < 33

43 = 43

Bài 3: Viết số còn thiếu (bảng các số từ 1 đến 100)

41 42 43 44 45 46 47 48 49 50

51 52 53 54 55 56 57 58 59 60

4 14 24 34 44 54 64 74 84 94

Bài 4: Khoanh vào chữ đặt trước số đúng

1. **A** (39) 2. **A** (53) 3. **A** (14)

Bài 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) **S** b) **Đ**

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án